

Số: 01 /2018/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2018 và thay thế Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 23/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Đinh Chung Phụng

QUY ĐỊNH

**Về công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2018/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, loại hình, điều kiện, quyền lợi, trách nhiệm, đền bù kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này được áp dụng cho các đối tượng sau:

- a) Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh quản lý;
- b) Công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước, của Đảng, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội thuộc tỉnh quản lý;
- c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- d) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;
- e) Các đối tượng khác: Căn cứ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho việc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong từng giai đoạn cụ thể, cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng không thuộc các đối tượng quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản này.

2. Quy định này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc lực lượng vũ trang, cơ quan của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị không thụ hưởng ngân sách địa phương.

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Mục tiêu

- a) Trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức;
- b) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của tỉnh.

2. Nguyên tắc

a) Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác quy hoạch, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

b) Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; kết hợp phân công và cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm.

c) Đề cao ý thức tự học và việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Điều 4. Nội dung, loại hình đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

a) Lý luận chính trị;

b) Chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Kiến thức quốc phòng và an ninh;

d) Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước;

đ) Kiến thức quản lý chuyên ngành; đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; kiến thức hội nhập quốc tế;

e) Tiếng dân tộc, tin học, ngoại ngữ.

2. Loại hình đào tạo, bồi dưỡng

a) Loại hình bồi dưỡng:

- Tập trung;

- Bán tập trung;

- Từ xa.

b) Loại hình đào tạo:

- Tập trung;

- Không tập trung;

- Vừa làm, vừa học.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM VÀ ĐÈN BÙ KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 5. Đối tượng, điều kiện được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Điều kiện chung

a) Theo nhu cầu và đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng phát triển hoặc phù hợp với công tác quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng do cơ quan, đơn vị đăng ký cử đi học đã được phê duyệt hàng năm;

c) Chuyên ngành đào tạo phải phù hợp với chức vụ, chức danh và đúng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức;

d) Có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;

đ) Chưa được cử tham gia đồng thời một khoá đào tạo, bồi dưỡng khác trong giờ hành chính theo quy định.

2. Đối tượng, điều kiện cụ thể

a) Được cử đi học Trung cấp, Cao đẳng, Đại học

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã đi học Trung cấp, Cao đẳng, Đại học:

+ Là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 (hai) lần thời gian đào tạo.

- Đối với cán bộ y tế cơ sở đi học Bác sỹ, Dược sỹ đại học:

+ Đã kết thúc thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức;

+ Có cam kết thực hiện nhiệm vụ tại địa phương cử đi học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 (hai) lần thời gian đào tạo.

- Khi được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài quy định nêu trên còn phải đáp ứng các yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

b) Được cử đi học sau đại học

- Đối với cán bộ, công chức:

+ Tuổi đời không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu;

+ Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên tính từ thời điểm được bổ nhiệm vào ngạch (không kể thời gian tập sự), trong đó có 2 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ;

+ Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 lần thời gian đào tạo;

+ Đi học hệ chính quy, tập trung tại các Trường Đại học, Học viện công lập của Bộ, ngành Trung ương; cơ sở đào tạo của nước ngoài đặt tại Việt Nam, cơ

sở đào tạo của các nước phát triển ở nước ngoài có uy tín và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Đối với viên chức:

+ Đã kết thúc thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức;

+ Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 (hai) lần thời gian đào tạo;

+ Đi học hệ chính quy, tập trung tại các Trường Đại học, Học viện công lập của Bộ, ngành Trung ương; cơ sở đào tạo của nước ngoài đặt tại Việt Nam, cơ sở đào tạo của các nước phát triển ở nước ngoài có uy tín và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Cán bộ, công chức, viên chức khi được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định trên, còn phải đáp ứng yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

c) Được cử đi học lý luận chính trị

- Cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cử đi đào tạo lý luận chính trị phải căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan, đơn vị, gắn với công tác quy hoạch cán bộ và sát với nhu cầu bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ;

- Chọn, cử đi học phải đúng đối tượng, đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn đối với từng cấp đào tạo theo Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12 tháng 5 năm 1999 của Bộ Chính trị về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng, Công văn số 4741-CV/BTCTW ngày 20 tháng 5 năm 2013 về một số vấn đề về đào tạo cao cấp lý luận chính trị-hành chính, Quy chế Tuyển sinh đào tạo Trung cấp lý luận chính trị-hành chính của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Quy định của Tỉnh ủy về tiêu chuẩn trình độ lý luận chính trị đối với cán bộ, công chức, viên chức.

d) Được cử đi học các lớp bồi dưỡng: Tiêu chuẩn, điều kiện đi học theo thông báo của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm điều kiện chung và điều kiện cụ thể quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức tự đi đào tạo, tự chi trả các khoản kinh phí học tập và học ngoài giờ hành chính sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Quyền lợi và trách nhiệm khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng có các quyền lợi sau:

a) Đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

- Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;
- Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;
- Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;
- Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

b) Đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

c) Những người là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Thực hiện quy chế đào tạo và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học.

c) Thực hiện quy định về đền bù chi phí đào tạo.

Điều 7. Đền bù kinh phí đào tạo

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo mà không được sự đồng ý, chấp thuận của cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp.

c) Đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, chuyển công tác đi tỉnh ngoài, sang cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Cơ quan có thẩm quyền chỉ đồng ý cho cán bộ, công chức, viên chức liên hệ xin chuyên công tác đi tỉnh ngoài, sang cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương và làm thủ tục điều chuyển khi đối tượng đã đền bù đầy đủ kinh phí đào tạo. Quy trình, thủ tục tính đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo phân cấp quản lý, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11,

Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III **HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

Điều 8. Mức chi cho đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học, sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ một phần chi phí với mức sau:

a) Trình độ Thạc sỹ; Bác sỹ nội trú; Bác sỹ chuyên khoa, Dược sỹ chuyên khoa, Điều dưỡng chuyên khoa cấp I: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/người/cả khóa học;

b) Trình độ Tiến sỹ; Bác sỹ chuyên khoa, Dược sỹ chuyên khoa, Điều dưỡng chuyên khoa cấp II: Hỗ trợ 40.000.000 đồng/người/cả khóa học.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trình độ cử nhân chính trị, cao cấp lý luận chính trị:

a) Đào tạo tập trung tại Trung ương:

- Được hỗ trợ tiền học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo;

- Được hỗ trợ một phần tiền mua giáo trình cho cả khóa học theo mức sau:

+ Đi học hệ cử nhân: Không quá 1.500.000 đồng/người/cả khóa học;

+ Đi học hệ cao cấp chính trị: Không quá 1.000.000 đồng/người/cả khóa học;

b) Đào tạo không tập trung tại tỉnh và tỉnh ngoài:

- Được hỗ trợ tiền học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo;

- Được hỗ trợ một phần tiền mua giáo trình cho cả khóa học theo mức sau:

+ Đi học hệ cử nhân: Không quá 1.500.000 đồng/người/cả khóa học;

+ Đi học hệ cao cấp chính trị: Không quá 1.000.000 đồng/người/cả khóa học.

3. Cán bộ y tế cơ sở được cử đi đào tạo Bác sỹ, Dược sỹ đại học, được hỗ trợ một phần chi phí sau khi tốt nghiệp với mức: 10.000.000 đồng/người/cả khóa học.

4. Cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo các lớp trung cấp, cao đẳng, đại học chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và do tỉnh quyết định mở tại tỉnh Ninh Bình:

a) Được hỗ trợ học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo, nhưng không vượt quá mức trần học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

b) Được hỗ trợ tiền mua giáo trình với mức không quá 300.000 đồng/người/năm;

c) Học viên ở xa được cơ sở đào tạo bố trí chỗ ở không phải trả tiền.

5. Cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cử đi học các lớp Trung cấp, Sơ cấp lý luận chính trị mở tại tỉnh hoặc tại huyện, thành phố:

- a) Không phải đóng tiền học phí;
- b) Được hỗ trợ một phần tiền mua giáo trình cho cả khoá học theo mức sau:
 - + Đi học Trung cấp chính trị: Mức hỗ trợ không quá 600.000 đồng/người/cả khoá học;
 - + Đi học Sơ cấp chính trị: Mức hỗ trợ không quá 300.000 đồng/người/cả khoá học;
- c) Học viên ở xa được cơ sở đào tạo bố trí chỗ ở không phải trả tiền.
- d) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi được cử đi học được hỗ trợ thêm tiền ăn theo mức:

- + Học tập trung tại tỉnh: 50.000 đồng/người/ngày thực học;
- + Học tại huyện, thành phố: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

6. Cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cử đi học các lớp bồi dưỡng mở ở tỉnh:

- a) Được hỗ trợ tiền học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;
- b) Được cấp tài liệu phục vụ cho học tập (nếu có);
- c) Học viên ở xa được cơ sở đào tạo bố trí chỗ ở không phải trả tiền;
- d) Được hỗ trợ tiền ăn theo mức:
 - Đối với cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp: 30.000 đồng/người/ngày thực học;
 - Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:
 - + Học tập trung tại tỉnh: 50.000 đồng/người/ngày thực học;
 - + Học tại huyện, thành phố: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

7. Cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cấp có thẩm quyền cử đi học các lớp bồi dưỡng ở Trung ương hoặc tỉnh ngoài được hỗ trợ:

- a) Được hỗ trợ tiền học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;
- b) Tiền tài liệu cho cả khoá học theo quy định của cơ sở đào tạo;
- c) Được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 9. Mức chi cho đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học sau đại học ở nước ngoài được hỗ trợ 10% kinh phí toàn khoá học theo mức thu của cơ sở đào tạo.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài: Nội dung, định mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Điều 10. Mức chi đối với nữ được cử đi đào tạo

1. Cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là nữ được cử đi đào tạo, được hỗ trợ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy định này.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này còn được hưởng mức hỗ trợ theo nội dung đào tạo, bồi dưỡng như sau:

a) Đi đào tạo trình độ Trung cấp lý luận chính trị được hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/cả khóa học.

b) Đi đào tạo trình độ Bác sỹ, Dược sỹ đại học được hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/cả khóa học.

c) Đi đào tạo trình độ cử nhân chính trị, cao cấp lý luận chính trị:

- Hệ không tập trung:

+ Đi đào tạo trình độ cao cấp được hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/cả khóa học.

+ Đi đào tạo trình độ cử nhân được hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/cả khóa học.

- Hệ tập trung:

+ Đi đào tạo trình độ cao cấp được hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/cả khóa học.

+ Đi đào tạo trình độ cử nhân được hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/cả khóa học.

d) Đi đào tạo sau đại học trong nước và ở nước ngoài:

- Đi đào tạo Thạc sỹ; Bác sỹ nội trú; Bác sỹ chuyên khoa, Dược sỹ chuyên khoa, Điều dưỡng chuyên khoa cấp I được hỗ trợ: 7.000.000 đồng/người/cả khóa học.

- Đi đào tạo nghiên cứu sinh; Bác sỹ chuyên khoa, Dược sỹ chuyên khoa, Điều dưỡng chuyên khoa cấp II được hỗ trợ: 10.000.000 đồng/người/cả khóa học.

Điều 11. Mức chi mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung, định mức chi do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, giáo trình thực hiện:

a) Chi thù lao giảng viên: Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) thực hiện theo quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: Thực hiện theo mức chi phụ cấp lưu trú quy định tại Điều 7 Quy định về chế độ công tác phí; chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên: Trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định hiện hành tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017

của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về chế độ công tác phí; chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

d) Chi dịch thuật: Thực hiện mức chi dịch thuật hiện hành quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

đ) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Vận dụng mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Thông tư liên tịch 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

e) Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm 1.7 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

f) Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.8 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

g) Chi phí cho việc tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.9 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Chi biên soạn chương trình, giáo trình mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, giáo trình: Căn cứ quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, các cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình quyết định mức chi cho phù hợp với từng chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

i) Chi các hoạt động quản lý trực tiếp công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.11 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

j) Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở địa phương: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.12 Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Nội dung, định mức chi do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 12. Quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí thực hiện Quy định này được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc bố trí nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 13. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

1. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 6 hàng năm để tổng hợp xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng khối Nhà nước của năm liền kê báo cáo UBND tỉnh và trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (qua Ban Tổ chức Tỉnh uỷ) xem xét, phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan, đơn vị sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi ôn dự thi và đi đào tạo trình độ đại học chuyên môn trở xuống (trừ cán bộ y tế cơ sở đi học bác sĩ, dược sĩ); đi bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chuyên ngành ở trong nước;

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; đi học lý luận chính trị; đi ôn dự thi và đi học học bác sĩ, dược sĩ (đối với cán bộ y tế cơ sở); đi ôn, dự thi và đi học sau đại học;

c) Nếu cử cán bộ, công chức, viên chức đi học trái thẩm quyền thì phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm kỷ luật hành chính đã thực hiện;

d) Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, xem xét ra quyết định mở lớp đối với các lớp đã được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phê duyệt trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Riêng các lớp ngoài Kế hoạch đã được phê duyệt, đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. Tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả mở lớp về Sở Nội vụ chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày bế giảng lớp học;

đ) Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện việc xử lý bồi thường kinh phí đào tạo đối với các đối tượng có hành vi vi phạm theo Điều 7 Chương II của Quy định này;

f) Thực hiện việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định và báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 20/12 hàng năm.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm hoặc giai đoạn thuộc thẩm quyền quản lý.
2. Tổng hợp, thẩm định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan, đơn vị đề xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét, phê duyệt.
3. Tham mưu đề Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.
4. Thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.
5. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và đề nghị của cơ quan, đơn vị thẩm định, ra quyết định mở lớp đào tạo, bồi dưỡng đối với các lớp theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt hàng năm. Thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét quyết định mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng đối với các lớp ngoài Kế hoạch đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt hàng năm.
6. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cho cơ quan, đơn vị tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, ngạch và vị trí việc làm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
7. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch; đi ôn, dự thi và đi học bác sĩ, dược sĩ đại học; đi ôn, dự thi và đi học sau đại học ở trong nước. Riêng đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.
8. Thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cử cán bộ, công chức, viên chức đi ôn dự thi và đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.
9. Triệu tập cán bộ, công chức, viên chức đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Sở Nội vụ chủ trì tổ chức, quản lý hoặc theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.
10. Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
11. Thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng tại sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và tình hình thực tế ở địa phương.

2. Căn cứ dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thẩm định dự toán chi ngân sách cho các nội dung đào tạo, bồi dưỡng trong dự thảo kế hoạch để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

3. Hướng dẫn cơ quan, đơn vị bố trí nguồn, lập dự toán, quản lý, sử dụng và thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng. Thẩm định cấp phát kinh phí tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học của cơ quan, đơn vị theo quy định và Kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Báo cáo quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo để Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ biết.

Điều 16. Trách nhiệm của trường Chính trị tỉnh, các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thẩm định, xem xét ra quyết định mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

2. Chuẩn bị nội dung, chương trình giảng dạy, cơ sở vật chất để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ.

3. Phối hợp, liên kết với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác, tham gia giảng dạy trên cơ sở nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền; thực hiện việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định và gửi báo cáo kết quả mở lớp về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày bế giảng lớp học.

Điều 17. Phối hợp thực hiện của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Hướng dẫn cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Đoàn thể thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét phê duyệt.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm Quy định này, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (được gọi là văn bản mới) thì các nội dung liên quan thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế tại địa phương. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Chung Phụng